

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 5 - 2022
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoan và ông Hoàng Văn Khảm

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiếp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2021/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2021, về việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị G, sinh năm 1992 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi ở hiện tại: Thôn R, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc

- Bị đơn: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Phùng Thị G trình bày: Chị và anh Lê Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 23 tháng 01 năm 2015. Ngày cưới, chị về làm dâu ngay và làm ăn, ở chung cùng gia đình anh Q, đến khoảng đầu năm 2017 vợ chồng ra ở riêng vào nhà (lán) làm trên diện tích đất của gia đình anh Q. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến cuối năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q ham mê chơi bài, cờ bạc, nợ nần chị phải vay tiền đưa cho anh trả nợ; anh không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, hay đánh đập chị. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Q không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 4/2021 cho đến nay không dàn xếp gì. Nay chị xác định tình cảm của chị đối với anh Q không còn, chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị G xác nhận có 02 con là Lê Ngọc Bảo V, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2016 và Lê Hà M, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2020. Hiện cháu M đang ở với chị G, cháu V đang ở với anh Q. Ly hôn, chị G đề nghị giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện tại, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, khoản có, khoản nợ và đất canh tác: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Chị G xác nhận chị và anh Q không ai giữ tài sản gì của ai.

Về công sức: Tại phiên tòa, chị G xác nhận chị có khoảng 02 năm làm ăn, ở chung cùng gia đình anh Q. Trong thời gian này, chị không có tài sản, công sức gì đóng góp cho gia đình anh Q. Ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại bản tự khai chị xác nhận chị có 06 năm 03 tháng làm ăn ở chung là do chị tính cả thời gian vợ chồng chị đã ra ở riêng.

Bị đơn là anh Lê Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh Q không đến Tòa án để làm việc. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 02 năm 2022, ông Lê Văn T (bố đẻ anh Q) trình bày: Về thời gian và thủ tục kết hôn như chị G trình bày. Khoảng năm 2017, gia đình ông cho chị G, anh Q ra ở riêng. Quá trình chung sống, ông thấy chị G, anh Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát. Nguyên nhân xuất phát từ đâu ông không nắm được. Khoảng tháng 10/2021, chị G xin phép gia đình ông về ở nhà bố mẹ đẻ chị và anh chị sống ly thân nhau từ đó tới nay. Từ khi ly thân, hai bên gia đình đã dàn xếp hàn gắn tình cảm cho anh chị nhưng không có kết quả. Ông xác nhận anh Q đã nhận được thông báo và giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, nhưng lý do gì anh Q không đến Tòa án để làm việc ông không rõ. Anh Q không nói và ông không hỏi nên không biết quan điểm của anh Q như thế nào về việc chị G xin ly hôn anh Q, nhưng gia đình ông mong muốn anh chị đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con.

Về con chung: Ông T xác nhận chị G, anh Q có 02 con như chị G trình bày. Hiện cháu M đang ở với chị G, cháu V đang ở với anh Q. Theo ông được biết, nguyện vọng của anh Q xin được nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Công việc hiện tại của anh Q là lao động tự do, nhưng cụ thể làm gì, mức thu nhập bao nhiêu tiền/tháng ông không nắm được. Hiện tại, vợ chồng ông cũng giúp đỡ anh Q trông nom cháu V.

Về tài sản và công nợ: Chị G, anh Q có tài sản gì hoặc có cho ai vay hay vay của ai tài sản gì hay không, ông không nắm được.

Về công sức: Chị G có khoảng hơn 06 năm làm ăn ở chung cùng gia đình ông. Trong thời gian này, chị G không cùng gia đình ông tạo lập được tài sản gì hay có công sức gì.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ

lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Anh Q không đến Tòa án làm việc lần nào, nhưng đã được Tòa án làm đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G cho chị được ly hôn anh Q. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị G giao cho chị được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hà M, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2020 và giao cho anh Q được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Ngọc Bảo V, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2016. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác và công sức: Chị G không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị G phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ giữa chị Phùng Thị G và anh Lê Văn Q là vợ chồng; chị G yêu cầu xin ly hôn với anh Q nên xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Anh Q hiện đang cư trú tại xã B, huyện Y, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị G và anh Lê Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị G khoảng cuối năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần; anh Q không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, hay đánh đập chị. Anh Q vắng mặt, không rõ quan điểm của anh như thế nào. Tuy nhiên, qua lời trình bày của chị G, của ông T và qua thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận thấy chị G và anh Q thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát và sống ly thân nhau thời gian đã lâu, mặc dù được hai bên gia đình dàn xếp hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Anh Q đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Q không đến Tòa án để làm việc, điều đó thể hiện anh Q không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Vì vậy, việc chị G xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Qua thu thập chứng cứ chị G và anh Q có 02 con như chị G đã xác nhận. Anh Q không có lời khai không rõ quan điểm của anh như thế nào, nhưng qua lời trình bày của chị G tại phiên tòa xác nhận cháu V được anh Q và gia đình anh chăm sóc, nuôi dạy đảm bảo. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị G là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Chị G không yêu cầu

giải quyết; anh Q không có lời trình bày nên không rõ quan điểm như thế nào. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, để khi nào có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về Ý kiến của Viện Kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phùng Thị G phải nộp 300.000đ, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phùng Thị G được ly hôn anh Lê Văn Q.

2. Về con chung: Chị Phùng Thị G được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hà M, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2020; anh Lê Văn Q được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Ngọc Bảo V, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2016. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phùng Thị G phải nộp 300.000đ, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0001123, ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị G đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Yên Lạc;
- UBND xã T, TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Mai Hương